TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2017/HNGĐ-ST
Ngày 15-12-2017
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Mai Văn Thanh.

2/Ông Nguyễn Văn Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 17 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017, về việc: "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 131/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Trần Văn H,** sinh năm: 1968.

- *Bị đơn*: **Lê Thị Thu H,** sinh năm: 1972.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

(Ông H, bà H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Trần Văn H trình bày: Ông và bà H cưới nhau vào năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống với nhau cũng hạnh phúc gần hai mươi mấy năm, nhưng gần đây vợ chồng thường xuyên cải nhau về chuyện tiền bạc, cách làm ăn của vợ chồng cũng không giống nhau dẫn đến nhiều cuộc cải vả làm cho gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Vợ chồng đều đã lớn tuổi, cũng đã cho nhau nhiều cơ hội suy nghĩ lại cuộc hôn nhân nhưng ông nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn được nữa. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Thu H.

-Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Huyền T sinh ngày 23/02/1991 và Trần Đức T sinh năm 1992, hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bà Lê Thị Thu H trình bày: Bà và ông H cưới nhau năm 1990, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng cũng hạnh phúc nhưng từ năm 2012 đến nay cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chồng bà đi chơi tối ngày có quan hệ không tốt bên ngoài. Bà có góp ý thì chồng bà chửi bới nhiều lần, đi ra khỏi nhà thì thôi khi về nhà thì kiếm chuyện cự cải. Nhiều năm nay bà cố nhịn nhục để sống vì thương con. Nay ông H yêu cầu ly hôn bà đồng ý.

-Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Huyền T sinh ngày 23/02/1991 và Trần Đức T sinh năm 1992, hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Ông Trần Văn H và bà Lê Thị Thu H thống nhất cưới nhau vào năm 1990, hôn nhân tự nguyện không bị ép buộc. Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án ông H và bà H đồng ý thuận tình ly hôn, nhưng do ông H và bà H không có đăng ký kết hôn nên vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý."

Mặt khác, tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

1…..

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…"

Do đó không công nhận ông H và bà H là vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông H và bà H thống nhất có 02 con chung tên Trần Huyền T sinh ngày 23/02/1991 và Trần Đức T sinh năm 1992, hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Ông H, bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Ông H, bà H thống nhất không có.

[5] Về án phí: Ông H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận ông Trần Văn H và bà Lê Thị Thu H là vợ chồng.
- Về con chung: Hiện đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống được không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Ông H, bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Ông H, bà H thống nhất không có.
- Về án phí: Ông Trần Văn H nộp 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 15142 ngày 04 tháng 10 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND, VKSND Tỉnh;
-VKSND cùng cấp;
-Chi cục THADS Huyện;
-Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
-Đương sự;
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án, (Ngọc).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Kim Oanh